

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2020/DS - PT

Ngày: 18/5/2020

V/v “*yêu cầu bồi thường về công sức đóng góp,
quản lý di sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Trần Thị Thúy Kiều – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2020/TLPT- DS ngày 02 tháng 3 năm 2020 về “*Tranh chấp yêu cầu bồi thường về công sức đóng góp, quản lý tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 171/2019/DS – ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 98/2020/QĐ – PT ngày 16 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Bích L, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Bích L:* Anh Vũ Cường V, sinh năm 1992; Địa chỉ: E2/36B, đường T, thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị C, sinh năm 1941; (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà C:* Luật sư Trần Minh V – Văn phòng luật sư Trần Minh V, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Thanh H, sinh năm 1983; (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Ông Phan Nhã Trúc L1, sinh năm 1979;

3. Bà Mai Thanh T, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Nhã Trúc L1, bà Mai Thanh T: Ông Sử Văn N. (có mặt)*

- *Người kháng cáo: Bị đơn Võ Thị C.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Võ Thị Bích L trình bày:

Bà Võ Thị S, sinh năm 1932 là chủ sử dụng các phần đất thuộc 493, 494, 292, 294, 371, tờ bản đồ 02, diện tích 7.390 m² tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 01/4/1997. Năm 1999, bà S chuyển nhượng thửa 292, 294 cho ông Lê Văn N, sau khi chuyển nhượng, diện tích đất của bà S còn lại 5.175m² thuộc thửa 493, 494, 371. Năm 2006, bà S chết, không để lại di chúc, bà S không có chồng, không có con. Bà L là cháu kêu bà S bằng bà, sống cùng với bà S từ năm 1985 cho đến khi bà S chết. Trong thời gian bà L sống cùng bà S đã có công sức cải tạo, quản lý di sản của bà S là các phần đất của thửa 493, 494, 371 nêu trên. Ngoài ra, vào năm 2000, bà S bị bệnh, bà L là người trực tiếp chăm sóc bà S cho đến khi bà S chết.

Sau khi bà S chết, bà L vẫn tiếp tục quản lý các phần đất trên. Đến năm 2012, bà Võ Thị C (em của bà S) có tranh chấp với bà L rồi đuổi bà L đi. Bà C vào canh tác đất, làm thủ tục nhận thừa kế tài sản từ bà S và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất 493, 494, 371 nêu trên.

Vào năm 2005 - 2006 thì bà L có xây dựng nhà khoảng 84m² trên phần đất thửa 371 để sinh sống, phần đất này trước đây là đất ruộng, thấp, trong thời gian sống cùng bà S, bà L đã cải tạo đất, san lấp, đào mương lên thành đất vườn như hiện nay. Các phần đất lên vườn, trồng cây ăn trái cho thu hoạch ổn định nhưng sau khi bà C vào canh tác đất thì đã san lấp, đốn (chặt) toàn bộ các cây trồng không còn như hiện trạng ban đầu. Hiện nay bà C đã chuyển nhượng toàn bộ các thửa đất 493, 494 cho vợ chồng ông Phan Nhã Trúc L1 và bà Mai Thanh T; chuyển nhượng thửa 371 cho ông Lê Thanh H.

Vào ngày 01/6/2006 hàng thừa kế của bà S có họp gia đình. Theo biên bản họp gia tộc các thành viên trong gia đình (trong đó có bà C, bà L) các bên đều thống nhất

cho bà L 01 công đất (01 công đất thuộc thửa 371) xem như là công sức của bà L đã sống cùng, chăm sóc cho bà S và cũng như là tiền canh tác, quản lý di sản của bà S sau khi chết để lại. Tuy nhiên, bà C lại không thực hiện mà còn đuổi bà L đi.

Bà L là người có công sức chăm sóc, quản lý, cải tạo đất trong thời gian sống cùng bà S và có công quản lý di sản của bà S sau khi bà S chết nhưng lại bị bà C chiếm hết toàn bộ di sản. Vì vậy, nay bà L yêu cầu bà C phải có trách nhiệm bồi thường cho bà công sức giữ gìn, bảo quản, cải tạo đất và giá trị ngôi nhà trên đất với tổng số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Nguyên đơn đồng ý với kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, không yêu cầu định giá lại.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn Võ Thị C trình bày:

Bà C là em ruột của bà Võ Thị S, bà S chết năm 2006, không để lại di chúc. Bà S không có chồng, không có con nên sau khi bà S chết các chị em của bà S họp thống nhất cho bà C được hưởng toàn bộ phần di sản của bà S để lại gồm các thửa đất 493, 494, 371, tờ bản đồ 02 tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà Võ Thị Bích L (là cháu kêu bà S bằng bà) đến sống cùng với bà S từ lúc bà L khoảng 09 tuổi. Bà L sống cùng với bà S đến khi bà S chết; trong thời gian sống cùng bà L và bà S cùng canh tác đất, cùng làm cùng hưởng. Khi bà L về sống với bà S thì các phần đất thuộc thửa 493, 494 đều đã lên vườn, trồng cây tạp, còn đối với thửa 371 do bà S trực tiếp cải tạo từ đất ruộng lên đất vườn để trồng cam.

Theo biên bản họp gia tộc các thành viên trong gia đình, trong đó có bà C, bà L đều thống nhất cho bà L 01 công đất (01 công đất thuộc thửa 371) xem như là công sức của bà L đã sống cùng, chăm sóc cho bà S và cũng như là tiền bảo quản, quản lý di sản do bà S để lại nhưng với điều kiện là bà L phải giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà S cho bà C để bà C làm thủ tục nhận thừa kế. Tuy nhiên, khi đến thời hạn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà L không giao trả đúng như lời hứa, từ đó bà C phải làm thủ tục có mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất 493, 494, 371. Vì bà L đã không thực hiện đúng như cam kết nên giữa bà C với bà L phát sinh tranh chấp nên bà C đuổi bà L đi không cho bà L sinh sống trên đất nữa.

Bà C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2014, hiện nay bà C đã chuyển nhượng toàn bộ các thửa đất 493, 494 cho vợ chồng ông Phan Nhã Trúc L1 và bà Mai Thanh T; chuyển nhượng thửa 371 cho ông Lê Thanh H.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, bà C không đồng ý vì lỗi là do bà L không thực hiện đúng lời hứa giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C, đồng thời các công sức như bà L trình bày là do thời gian bà L sống cùng bà S đã tạo nên chứ không phải do bà L tạo ra.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện C đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 171/2019/DS – ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bích L đối với bà Võ Thị C về việc “Yêu cầu bồi thường công sức đóng góp, quản lý tài sản”. Cụ thể:

Buộc bà Võ Thị C phải có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Bích L tiền công sức đóng góp, cải tạo, quản lý di sản là phần diện tích đất 5.175m² thuộc thửa đất số 493, 494, tờ bản đồ 12 (nay là thửa 239, tờ bản đồ 12) và thửa đất 371, tờ bản đồ số 02 (nay là thửa 32, tờ bản đồ 25) tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/11/2019 bà Võ Thị C kháng cáo, đơn kháng cáo có nội dung không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, nguyên đơn không đồng ý, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Bà Võ Thị Bích L, ông Phan Nhã Trúc L1, bà Mai Thanh T hiện nay không có mặt tại địa phương, đều sinh sống tại Hoa Kỳ mà Tòa án cấp huyện thụ lý giải quyết là vi phạm tố tụng nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: theo hướng dẫn tại Điều 471 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị quyết 03 ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì việc Tòa án cấp huyện thụ lý giải quyết vụ án, sau đó mới phát sinh việc bà L ở nước ngoài, Tòa án cấp huyện tiếp tục giải quyết là đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của bà C là không có căn cứ, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Võ Thị Bích L khởi kiện bà Võ Thị C yêu cầu bà C bồi thường công sức đóng góp, quản lý di sản của bà Võ Thị S, kèm theo đơn khởi kiện bà L giao nộp bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân của bà L, sổ hộ khẩu của bà L, giấy

ủy quyền của bà L ủy quyền cho anh Trần Trung K nộp khởi kiện thể hiện rõ địa chỉ của bà L là ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre, nên căn cứ quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên Tòa án cấp huyện thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Sau khi Tòa án cấp huyện thụ lý vụ án, bà C có đơn phản bác cho rằng bà L hiện đang sinh sống tại Hoa Kỳ, theo chồng từ năm 2010. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C cung cấp xác nhận của Công an xã Phú Sơn, xác nhận bà Võ Thị Bích L, ông Phan Nhã Trúc L1, bà Mai Thanh T không có sinh sống tại địa phương. Người đại diện theo ủy quyền của bà L cho rằng bà L hiện sống tại thành phố Hồ Chí Minh, người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Nhã Trúc L1, bà Mai Thanh T trình bày tại thời điểm ủy quyền, ông L1 và bà T sống tại xã P nhưng vào cuối năm 2019 thì đi nước ngoài. Như vậy, căn cứ hướng dẫn tại Điều 471 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, không có căn cứ xác định Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng, không chấp nhận yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[2] Về nội dung: Các bên đương sự đều thống nhất phần diện tích 5.175m² thuộc thửa đất số 493, 494, tờ bản đồ 12 (nay là thửa 239, tờ bản đồ 12) và thửa đất 371, tờ bản đồ số 02 (nay là thửa 32, tờ bản đồ 25) là di sản thừa kế của bà Võ Thị S chết để lại. Bà S chết năm 2006, không có chồng con, bà C là người thuộc hàng thừa kế thứ hai của bà S và cũng là người duy nhất nhận thừa kế toàn bộ phần di sản của bà S chết để lại. Phần đất thuộc thửa đất số 493, 494, 371 cùng tờ bản đồ 12, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị S vào ngày 01/4/1997. Bà L cũng thừa nhận đất có nguồn gốc là ông bà để lại cho bà S và bà S được cấp quyền sử dụng đất bà L không có khiếu nại gì. Đến năm 2014, bà C đăng ký biến động các thửa đất trên theo thủ tục thừa kế tài sản và bà C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 07/01/2014. Năm 2015, bà C chuyển nhượng thửa đất 371, tờ bản đồ số 02 (nay là thửa 32, tờ bản đồ 25) cho ông Lê Thanh H; năm 2017, bà C chuyển nhượng thửa đất số 493, 494, tờ bản đồ 12 (nay là thửa 239, tờ bản đồ 12) cho vợ chồng ông Phan Nhã Trúc L1 và bà Mai Thanh T. Bà S chết không để lại di chúc và không có hàng thừa kế thứ nhất nên việc các chị em của bà S thống nhất để bà C nhận thừa kế là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Bà L khởi kiện yêu cầu bà C phải có trách nhiệm bồi thường cho bà công sức giữ gìn, bảo quản, cải tạo đất và giá trị ngôi nhà trên thửa 371. Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, các bên không thống nhất về thời gian bà L sống chung với bà S, tuy nhiên đều thừa nhận bà L đã sống cùng với bà S từ nhỏ (theo nguyên đơn là thời điểm bà L 07 tuổi, còn bị đơn cho rằng từ lúc bà L 09 tuổi) cho đến khi bà S chết. Theo xác minh tại địa phương, trong thời gian bà L còn sống chung với bà S thì thửa 371 được cải tạo,

có bom cát phía trước và đào mương phía sau. Tại cuộc họp gia đình ngày 01/6/2006, các thành viên trong gia đình cũng thống nhất bà L đã lo liệu việc hậu sự cho bà S chu đáo, có công giữ gìn tài sản từ khi bà S chết đến nay, nên gia đình đồng ý cho bà L 01 công đất (01 công đất thuộc thửa 371) xem như là tiền công sức của bà L đã sống cùng, chăm sóc cho bà S và cũng như là tiền canh tác, quản lý di sản của bà S sau khi chết để lại. Trong biên bản cuộc họp ngày 01/6/2006 còn nêu “*cho đứt cháu L căn nhà của bà nó....cháu phải di dời ra phần đất cháu sở hữu*”. Theo bà C, điều kiện để bà L được hưởng 01 công đất như trong biên bản là bà L phải giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà S cho hàng thừa kế của bà S nhưng bà L không thực hiện nên không đồng ý cho bà L được hưởng 01 công đất. Tuy nhiên, mục đích của việc yêu cầu bà L đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà S là để bà C cùng những người thừa kế làm thủ tục nhận di sản của bà S. Bà C cũng thừa nhận là do bà L không giao giấy nên bà đã làm tờ có mất giấy và đã hoàn thành thủ tục nhận thừa kế của bà S. Như vậy, mặc dù điều kiện của bà C không được đáp ứng nhưng các thành viên trong họ tộc đều thừa nhận bà L có công sức cải tạo, giữ gìn di sản của bà S nên yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ. Bà C là người duy nhất được nhận phần di sản của bà S, khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các phần đất trên thì bà C cũng thừa nhận đã được nhận tiền của bên nhận chuyển nhượng nên bà L khởi kiện đối với bà C là phù hợp. Bà C kháng cáo mà không cung cấp được chứng cứ nên không có cơ sở chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Mặc dù kháng cáo không được chấp nhận nhưng bà C là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 171/2019/DS – ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ các Điều 616, 618, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bích L đối với bà Võ Thị C về việc “Yêu cầu bồi thường công sức đóng góp, quản lý tài sản”.

Buộc bà Võ Thị C phải có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Bích L công sức đóng góp, cải tạo, quản lý di sản là phần diện tích đất 5.175 m² thuộc thửa đất số 493, 494, tờ bản đồ 12 (nay là thửa 239, tờ bản đồ 12) và thửa đất 371, tờ bản đồ số 02 (nay là thửa 32, tờ bản đồ 25) tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Võ Thị C được miễn án phí.

- Hoàn lại cho bà Võ Thị Bích L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0023855 ngày 25/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Chi phí tố tụng: Buộc bà Võ Thị C phải có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Bích L số tiền là 5.360.000 đồng (năm triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị C được miễn án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Hương

